



Tác động của Khủng hoảng kinh tế thế giới và giải pháp cho ngành tài chính - ngân hàng Việt Nam

Khủng hoảng tài chính - Con địa chấn tàn khốc nhất kể từ sau cuộc Đại khủng hoảng 1929-1933 đã giáng một đòn mạnh mẽ vào nền kinh tế thế giới nói chung và hệ thống tài chính - ngân hàng nói riêng, dẫn đến sự sụp đổ của một loạt các định chế tài chính sừng sỏ tưởng như là quá lớn để có thể bị hạ gục. Trong bối cảnh chung đó, khủng hoảng tài chính toàn cầu đã có những tác động tiêu cực đến hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam. Hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam sau một quá trình cải tổ đã đạt được những bước tiến quan trọng, khẳng định được vị thế, vai trò đặc biệt quan trọng của mình trong việc góp phần vào quá trình phát triển kinh tế đất nước. Tuy nhiên, với những điểm yếu cố hữu như năng lực

cạnh tranh thấp, quản trị rủi ro yếu, tính minh bạch chưa cao... Hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam đã và đang phải đối mặt với những thách thức không nhỏ trong việc đảm bảo an toàn hệ thống, đứng vững và vươn lên trong giai đoạn khó khăn hiện nay. Với tính quan trọng của vấn đề, ngày 28/6/2009, Học viện Ngân hàng phối hợp với Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh) và Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức Hội thảo: **Tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới và giải pháp cho ngành tài chính - ngân hàng Việt Nam**. Hội thảo đã thu hút được sự quan tâm lớn của các học giả trong và ngoài nước cũng như công chúng. Sau đây, Tạp chí Ngân hàng xin trích lược một số luận điểm đáng chú ý trong các bài tham luận của Hội thảo.

NGUYÊN NHÂN CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU VỪA QUA

Đây là một chủ đề đã cũ, tuy nhiên nó vẫn mang tính thời sự. Nhận thức rõ được các nguyên nhân khủng hoảng là một trong những nhân tố quan trọng tìm ra phương thuốc hữu hiệu chữa trị căn bệnh nan y khủng hoảng và tránh lặp lại vết xe đổ trong tương lai. Trong lịch sử của ngành tài chính ngân hàng, nguyên nhân của các cuộc khủng hoảng, mặc dù các cuộc khủng hoảng đó đã xảy ra trước đó từ rất lâu nhưng người ta vẫn không thể lý giải được một cách thấu đáo và đầy đủ. Theo TS. Nguyễn Kim Anh, Phó Giám đốc Học viện Ngân hàng, các nguyên nhân của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu được chia ra làm hai loại: Nguyên nhân từ phía thị trường là bong bóng

bất động sản trên thị trường trái phiếu, sự nở rộ quá mức của các khoản tín dụng thế chấp, hiện tượng bong bóng bất động sản, việc định giá lỗi trên thị trường hoán đổi tín dụng (CDSs), sự lạm dụng các hợp đồng bảo hiểm tín dụng. Nguyên nhân từ phía các cơ quan quản lý đó là sự thiếu vắng hoạt động điều tiết trên thị trường hoán đổi tín dụng, thiếu vắng điều tiết liên bang trên thị trường tín dụng thế chấp, sai lầm của các tổ chức định mức tín nhiệm, sự bảo hiểm rộng rãi các khoản tín dụng thế chấp... TS. Lê Xuân Nghĩa, Phó Chủ tịch Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, thì nhận định, chính tham vọng quyền lực của giới chính trị kết hợp với sự háms lợi của các nhà tư bản là nguyên nhân sâu xa của cuộc khủng hoảng tài chính.

TÁC ĐỘNG CỦA KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU ĐẾN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM NÓI CHUNG VÀ LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG NÓI RIÊNG

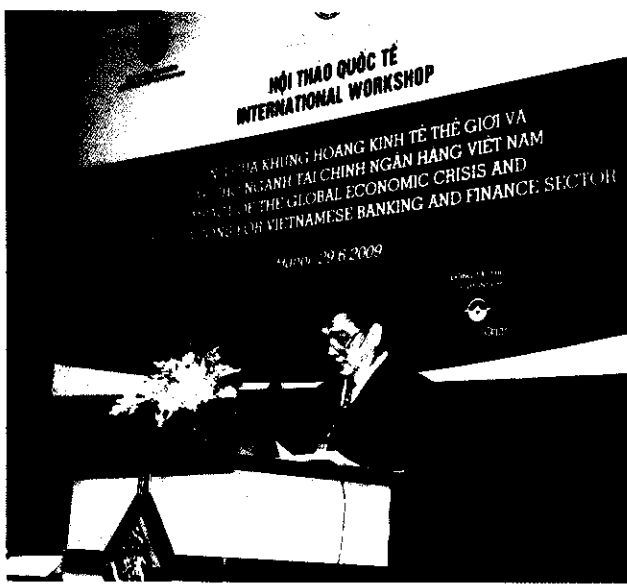
Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu tác động thế nào đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hệ thống tài chính ngân hàng nói riêng. Theo TS Tô Ngọc Hưng, Giám đốc Học viện Ngân hàng, hệ thống ngân hàng Việt Nam khó có thể bị ảnh hưởng trực tiếp bởi cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ hiện nay vì các ngân hàng Việt Nam và các tổ chức tài chính trong nước không sở hữu chứng khoán bất động sản của Mỹ hay châu Âu, lượng vốn các ngân hàng vay trên thị trường quốc tế không lớn nên không gây ra hiệu ứng rút vốn làm cạn kiệt nguồn vốn hệ thống; các công ty tài chính và các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam không có tỷ lệ đòn bẩy tài chính quá cao như các tổ chức tài chính trên thị trường Mỹ hay châu Âu. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng tài chính thế giới đã có những ảnh hưởng gián tiếp đến hệ thống ngân hàng Việt Nam. Khủng hoảng

tài chính đã ảnh hưởng mạnh đến thị trường chứng khoán, bất động sản, hoạt động xuất nhập khẩu, từ đó, ảnh hưởng đến hoạt động cho vay chứng khoán, tín dụng bất động sản, tín dụng cho vay doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế của các NHTM.

Tuy nhiên, bên cạnh các tác động tiêu cực, khủng hoảng tài chính cũng đem lại một số cơ hội cho nền tài chính ngân hàng Việt Nam. Theo PGS., TS. Nguyễn Đình Tư, Tổng Biên tập Tạp chí Ngân hàng - NHNN: “Chúng ta phải coi đây là một cơ hội để cơ cấu một cách toàn diện nền kinh tế. Chúng ta đã có bài học từ ảnh hưởng

của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện hữu để có những chủ trương và giải pháp thích hợp nhằm cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng: Nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động và vận dụng nội lực để phát triển. Những biện pháp cần được tập trung là: hoàn thiện khuôn khổ pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; cải thiện hơn nữa cơ sở hạ tầng; tiếp tục cơ cấu lại các doanh nghiệp, đặc biệt là việc cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước; phát triển thị trường trong nước để chủ động đối phó với những tác động bên ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam; đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu mới; đặc biệt chú trọng tiếp tục cải cách hệ thống ngân hàng, xây dựng thị trường tài chính lành mạnh.” Theo TS. Nguyễn Thu Hà, Học viện Ngân hàng, khủng hoảng tài chính là cơ hội cho các định chế tài chính Việt Nam cơ cấu lại hệ thống của

mình, chú trọng vào hoạt động quản trị rủi ro một cách toàn diện. Khủng hoảng tài chính cũng khiến cho quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật tài chính ngân hàng của Việt Nam được đẩy mạnh. Khủng hoảng đã buộc các nhà làm luật phải nhìn nhận lại toàn diện hơn



TS. Tô Ngọc Hưng trình bày tham luận tại Hội thảo

vấn đề, nhất là vấn đề thuộc về tầm nhìn chiến lược...

Một hậu quả tất yếu của khủng hoảng tài chính là tỷ lệ nợ khó đòi (non performing loans - NPLs) sẽ tăng cao ở các NHTM. Đề cập đến vấn đề này, tham luận “Nợ khó đòi và hoạt động cho vay của NHTM phân tích thực nghiệm dựa trên mô hình tới hạn” của GS, TS David Dickingson và Yxin Hou - Đại học Tổng hợp Birmingham - được trình bày tại Hội thảo tuy không đề cập trực tiếp đến trường hợp cụ thể của Việt Nam nhưng có rất nhiều điểm đáng chú ý. Các phân tích và kết luận rút ra trong tham luận này có tính thuyết phục cao do dựa trên những dữ liệu thông tin cụ thể trên cơ sở của phương pháp phân tích định lượng. Theo đó, hiện tượng ngân hàng có một lượng NPLs lớn trong danh mục có thể trở lên miễn cưỡng chấp nhận nhiều rủi ro mới và cam kết cho

nhiều khoản vay mới dẫn đến khủng hoảng tín dụng nếu bị mở rộng đến mức độ thị trường. Điểm riêng biệt của bài tham luận đó là xem xét mối tương quan giữa NPLs và quyết định cho vay của ngân hàng trong bối cảnh tới ngưỡng. Nhân tố căn bản cho việc sử dụng tiếp cận ngưỡng là ngân hàng có thể trích lập cho NPLs tới mức độ nhất định và cũng có thể cắt giảm cho vay khi NPLs gia tăng nhưng khi NPLs tăng lên trên điểm tới ngưỡng thì các ngân hàng bắt đầu giảm các khoản cho vay mới mạnh tay hơn. Sự tồn của tiếp cận ngưỡng nhằm quản lý hoạt động cho vay có thể có những liên quan tới quan điểm khủng hoảng tín dụng trên thị trường cho vay.

“Nếu có một sự gia tăng căn bản của ảnh hưởng tiêu cực của NPLs đến các khoản vay mới sau khi NPLs tăng đến một mức độ nào đó, chúng tôi kỳ vọng sẽ thấy được khủng hoảng tín dụng xảy ra một lần ở mức độ tới hạn của lĩnh vực ngân hàng”. Kết luận của tham luận đã gợi ý rằng “Rủi ro đạo đức đang là vấn đề mà các ngân hàng phải đối mặt”. Các ngân hàng này không phản ứng theo cách thận trọng đối với vấn đề nợ quá hạn có xu hướng gia tăng. Thêm vào đó, các ngân hàng với hệ số nợ quá hạn cao và vốn lớn dường như lại áp dụng chiến lược quản trị khá rủi ro bằng cách mở rộng tín dụng thậm chí trong điều kiện nợ quá hạn gia tăng, nói một cách khác, các ngân hàng này cố gắng thoát khỏi tình trạng khó khăn bằng cách chấp nhận thêm rủi ro do lượng vốn dồi dào. Hiệu ứng dương của mức

vốn có thể nhận thấy thông qua mối quan hệ thuận chiều giữa cho vay và tăng trưởng vốn, khi các ngân hàng có vốn lớn thường có xu hướng cho vay nhiều hơn. Tác động của chênh lệch lãi suất chỉ ra rằng, chỉ có ngân hàng với hệ số nợ quá hạn thấp và vốn lớn là không phản ứng theo mức



GS.TS David Dickingson trình bày tham luận về nợ khó đòi và hoạt động cho vay của NHTM

gia tăng của chênh lệch lãi suất. Điều này gợi ý rằng, các ngân hàng nhìn chung chấp nhận các chiến lược đầu tư tương đối mạo hiểm khi phải đối mặt với hai vấn đề, hoặc là vốn thấp hoặc là nợ quá hạn cao.

BÀI HỌC RÚT RA

Theo TS. Tô Kim Ngọc, Phó giám đốc Học viện Ngân hàng, bài học lớn nhất rút ra từ cuộc khủng hoảng là cơ chế kiểm soát rủi ro và vai trò của ngân hàng trung ương (NHTU) trong việc duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính. *Thứ nhất*, cần có sự phối hợp giữa cơ chế tự điều tiết của thị trường và các quy tắc kiểm soát rủi ro của các chủ thể điều tiết trong xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro đối với các công cụ tài chính mới. Xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro theo sản phẩm và quy trình tạo lập sản phẩm tài chính của các chủ thể điều tiết là

rất quan trọng. Nó cho phép cơ quan điều tiết chủ động nhận diện rủi ro và phân tích các động lực sai lầm đằng sau các sáng tạo sản phẩm tài chính. *Thứ hai*, các chủ thể điều tiết, đặc biệt là các NHTU cần đặc biệt quan tâm tới những mất cân đối vĩ mô, nguồn gốc của rủi ro hệ thống trong hệ thống tài chính. Những diễn biến của thị trường Mỹ trong giai đoạn tiền khủng hoảng cho thấy, NHTU chưa tập trung đủ nguồn lực cho việc phát triển các công cụ giám sát vĩ mô thận trọng, cho phép phát hiện sớm những rủi ro hệ thống. Bên cạnh đó, hầu hết các quốc gia chưa hình thành được hệ thống chỉ tiêu giám sát thận trọng dành riêng cho đối tượng là các tổ chức tín dụng lớn, chức năng phức tạp có ảnh hưởng chi phối đến thị trường. *Thứ ba*, vai trò quan trọng của NHTU trong kiểm soát rủi ro của các tổ chức tín dụng (TCTD) và giảm nhẹ rủi ro hệ thống cũng như ảnh hưởng của nó đến hệ thống tài chính. *Thứ tư*, mục tiêu hoạt động của NHTU giờ đây không chỉ tập trung vào việc kiểm soát chỉ số vĩ mô mà còn cần quan tâm đến cả mục tiêu ổn định tài chính như là mục tiêu bổ sung cho mục tiêu chính sách tiền tệ (CSTT). *Thứ năm*, phạm vi kiểm soát của NHTU phải bao gồm cả các tổ chức tài chính phi ngân hàng. Cuộc khủng hoảng tài chính vừa qua đã cho thấy mức độ gây ra rủi ro hệ thống từ phía các tổ chức tài chính phi ngân hàng là rất cao trong khi nhóm này lại không hề bị kiểm soát. *Thứ sáu*, cần thay đổi mô hình giám sát tài chính cho phù hợp với quá trình phát triển của thị trường tài chính. Mô hình giám sát tài chính được thiết kế nhằm đảm bảo tính an toàn của hệ thống tài chính và đạo đức kinh doanh nhằm bảo vệ quyền lợi của người đầu tư. *Thứ bảy*, hoạt động của các tổ chức định mức tín nhiệm cần phải duy trì tính độc lập của họ từ phía khách hàng và cả từ phía chính trị. Điều này

đòi hỏi họ phải có sự độc lập về tài chính dựa trên các nguồn thu nhập đa dạng.

Theo GS. TS Rainer Stachuletz và GS. TS Hansjorg Herr, Đại học Luật và Kinh tế Berlin, tái quản lý giám sát hệ thống tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro hệ thống là cần thiết. Đối với các quỹ đầu tư, trong ngắn hạn, con đường đi lên hơn cả là bắt buộc thực hiện nguyên tắc thị trường nghiêm ngặt với các quỹ đầu tư tư cách người vay trong nước, đồng thời yêu cầu dự trữ vốn tối thiểu có điều chỉnh rủi ro và yêu cầu nghĩa vụ tổng hợp và báo cáo tài chính mở rộng của quỹ với tư cách nhà đầu tư tài chính trong nước.

GIẢI PHÁP CHO NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG VIỆT NAM

Theo TS. Nguyễn Ngọc Bảo, Vụ trưởng Vụ chính sách tiền tệ Ngân hàng Nhà nước (NHNN), nhận thức được những khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, từ cuối năm 2008, Chính phủ đã đưa ra những giải pháp ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội với 5 nhóm giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh và xuất khẩu, thực hiện hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp... qua đó, vực dậy sức tăng trưởng của nền kinh tế.

Thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ, từ cuối năm 2008, NHNN đã điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) linh hoạt phù hợp với mục tiêu kích cầu, khuyến khích sản xuất, xuất khẩu; tích cực triển khai có hiệu quả cơ chế lãi suất 4% của Chính phủ. Các công cụ CSTT được điều hành linh hoạt theo hướng nới lỏng một cách thận trọng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, 6 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất hiện hành, 5 lần giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi VND, điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở... chỉ đạo các NHTM



TS. Nguyễn Ngọc Bảo trình bày tham luận tại Hội thảo

thực hiện các biện pháp về lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, tiếp tục mở rộng tín dụng đối với nền kinh tế; chỉ đạo các NHTM Nhà nước giảm lãi suất cho vay trước đây về mức tối đa là 10,5%, phối hợp với Hiệp hội Ngân hàng để chỉ đạo, khuyến khích các NHTM thực hiện giải pháp về tín dụng và lãi suất nhằm chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp; thành lập tổ công tác đặc biệt tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh để xử lý các vướng mắc về quan hệ tín dụng giữa NHTM với các doanh nghiệp nhỏ và vừa; ban hành cơ chế lãi suất thỏa thuận của TCTD đối với cho vay các nhu cầu vốn phục vụ đời sống, cho vay qua nghiệp vụ phát hành; tích cực triển khai cơ chế hỗ trợ lãi suất theo chủ trương và chính sách của Chính phủ...

Việc thực hiện đồng bộ, linh hoạt cơ chế chính sách tiền tệ phù hợp với các chính sách, chủ trương kích cầu của Chính phủ đã có tác động tích cực, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; thị trường tiền tệ và ngoại hối tiếp tục ổn định, lãi suất, tỷ giá biến động phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, hoạt động của các TCTD tiếp tục được mở rộng và an toàn, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư và người dân đối với hệ thống ngân

hàng và các giải pháp kích cầu của chính phủ. Các nhóm NHTM, công ty tài chính và các TCTD khác đều có tốc độ tăng huy động vốn và tín dụng từ 13,5% trở lên, đảm bảo tỷ lệ khả năng chi trả ngắn hạn lớn hơn 100%, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định, không có NHTM nào gặp khó khăn về khả năng thanh toán. Kinh tế vĩ mô có nhiều dấu hiệu tích cực nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp về tiền tệ và tài khoá theo chỉ đạo của Chính phủ, các chỉ tiêu tiền tệ tín dụng tăng ở mức độ phù hợp với xu hướng nới lỏng tiền tệ theo chủ trương kích cầu của Chính phủ, các NHTM đảm bảo khả năng thanh khoản và an toàn thanh toán, lãi suất trở về mức của thời kỳ kinh tế ổn định, tỷ giá VND so với USD, mặc dù có sức ép tăng từ cuối tháng 3, chủ yếu do tình trạng găm giữ ngoại tệ nhưng về cơ bản vẫn ở mức phù hợp với các chỉ số kinh tế vĩ mô, qua đó, tăng khả năng cạnh tranh hàng xuất khẩu, kiểm soát nhập siêu, hỗ trợ cho việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, góp phần ổn định cán cân thanh toán quốc tế và quản lý nợ nước ngoài.

Theo ông Nguyễn Ngọc Bảo, trong những tháng cuối năm, mặc dù đã có một số dấu hiệu tích cực nhưng

khả năng phục hồi kinh tế thế giới là chưa rõ nét, kinh tế Việt Nam trong những tháng cuối năm có thể gặp một số khó khăn. Trong bối cảnh đó, để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế khoảng 5%, kiểm soát lạm phát dưới 10% theo chỉ đạo của Chính phủ, NHNN cần tiếp tục điều hành CSTT thận trọng để ổn định lãi suất, tỷ giá nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đảm bảo khả năng thanh khoản cho hệ thống TCTD; tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế hỗ trợ lãi suất 4%.

TS. Tô Kim Ngọc lại nhấn mạnh

trường ngắn hạn sang thị trường trung, dài hạn và ngược lại. Nhưng song song với các điều khoản luật cho phép các ngân hàng kinh doanh đa năng, cần có các quy định giới hạn tỷ lệ đầu tư vào từng lĩnh vực trong tổng danh mục đầu tư và cho phép các NHTM được tự chủ thiết lập một danh mục đầu tư tối ưu căn cứ vào cơ cấu nguồn vốn, khả năng dự báo và năng lực quản trị rủi ro của từng ngân hàng, phù hợp với Điều 7 của Dự thảo Luật Các TCTD. Bên cạnh đó, thiết lập một mô hình tổ chức phù hợp và cơ chế di chuyển

của các NHTM, xuất phát từ những tương tác của các định chế chịu sự quản lý và không chịu sự quản lý, các hoạt động của NHTM và với thị trường; Cần nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý, quy trình kỹ thuật, điều kiện áp dụng và kiểm soát các sản phẩm phái sinh; Xây dựng cơ chế giám sát và khung pháp lý cho hoạt động giám sát ngân hàng phù hợp với mô hình hoạt động ngân hàng hiện nay. Cần xác định và lựa chọn mô hình giám sát tài chính thích hợp căn cứ vào đặc điểm của các cơ quan giám sát chuyên ngành và xu hướng phát triển của các định chế tài chính. Một cơ quan giám sát tài chính hợp nhất (có thể dưới hình thức hợp nhất hoàn toàn, một phần hoặc hợp nhất phân tán) cho phép “cover” được các định chế tài chính không nằm trong khuôn khổ chi phối bởi các thể chế giám sát riêng biệt; Cần thiết lập một cơ chế bảo hiểm tiền gửi phù hợp nhằm đảm bảo tính ổn định của hệ thống tài chính và khôi phục lòng tin của người gửi tiền; Cần nhanh chóng xây dựng tại Việt Nam tổ chức định mức tín nhiệm nhằm đánh giá độc lập về rủi ro các NHTM. Tổ chức định mức tín nhiệm phải đảm bảo tính độc lập và không chịu sức ép từ phía khách hàng (NHTM) và các cơ quan quản lý khác; Quy định về chế độ báo cáo hiện nay của Luật Các TCTD mới chỉ dừng lại ở báo cáo thông tin tài chính. Rõ ràng, điều này sẽ hạn chế khả năng phân tích đánh giá của cơ quan quản lý, người gửi tiền và những người có lợi ích liên quan. Khung pháp lý mới cần tạo dựng tính minh bạch thống nhất và đầy đủ về thông tin của các NHTM nhằm bảo vệ quyền lợi và củng cố niềm tin của người gửi tiền, nhà đầu tư bao gồm hệ thống thông tin tín dụng, các quy tắc kế toán và công bố thông tin, hệ thống kiểm toán nội bộ và bên ngoài ngân hàng. ■

VT



Ý kiến của các chuyên gia thu hút sự quan tâm đặc biệt của các cơ quan báo chí truyền thông

đến việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Theo TS. Tô Kim Ngọc, mặc dù bối cảnh thị trường rất phức tạp, các định chế đã mở rộng và thâm nhập các hoạt động của nhau để hình thành các công ty tổng hợp hay công ty mẹ con, các TCTD cũng theo khuyến hướng kinh doanh đa năng dẫn đến nguy cơ rủi ro cao hơn nhất là trong năm 2007 và 2008. Tuy nhiên, thực tế này không có nghĩa là nên quay lại và duy trì hoạt động ngân hàng theo mô hình truyền thống bởi mô hình này cũng không ngăn cản được luồng vốn dịch chuyển giữa thị

vốn trong nội bộ minh bạch trong trường hợp kinh doanh đa năng. Do chưa có khung pháp lý hoàn chỉnh điều chỉnh việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tập đoàn nên trước mắt vẫn cần có sự giám sát chặt chẽ trong việc điều chuyển vốn hoặc cho vay trong nội bộ ngân hàng và các công ty do ngân hàng góp vốn/thành lập hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm và bất động sản. Cũng theo TS. Tô Kim Ngọc, cần xây dựng một mô hình pháp lý cho phép kiểm soát, phát hiện và xử lý một cách hiệu quả rủi ro hệ thống phát sinh trong quá trình hoạt động